



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Phường 09, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 074 3 740 234

Fax: 074 3 740 239

Website: [www.tvpharm.com.vn](http://www.tvpharm.com.vn)

Email: [info@tvpharm.com.vn](mailto:info@tvpharm.com.vn)

---

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*Năm 2014*

*Trà Vinh, Tháng 3 Năm 2015*

# MỤC LỤC

<b>Phần 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY .....</b>	<b>3</b>
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Ngành nghề kinh doanh:.....	3
3. Quá trình hình thành và phát triển .....	4
4. Các phần thưởng cao quý:.....	5
5. Qui mô và vị thế của TV.PHARM .....	5
<b>Phần 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ' .....</b>	<b>8</b>
1. Mô hình quản trị: .....	8
2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức: .....	8
3. Ban quản trị Công ty: .....	11
4. Nhân sự và chính sách người lao động: .....	14
<b>Phần 3: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 .....</b>	<b>17</b>
1. Bối cảnh kinh doanh năm 2014: .....	17
2. Báo cáo của Tổng giám đốc về hoạt động, sản xuất, kinh doanh năm 2014: .....	17
3. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị:.....	26
<b>Phần 4: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....</b>	<b>30</b>
1. Dự kiến Kế hoạch SXKD 03 năm : .....	30
2. Kế hoạch SXKD 2015:.....	30
3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng:.....	33
<b>Phần 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY: .....</b>	<b>34</b>
1. Hội đồng quản trị.....	34
2. Ban kiểm soát Công ty .....	40
<b>Phần 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2014:.....</b>	<b>45</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	45
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	46

# Phần 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY

## 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM**
- Tên tiếng Anh: TV.PHARM PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TV.PHARM
- Logo:



- Mã chứng khoán: TVP
- Trụ sở chính: 27, Điện Biên Phủ, Khóm 2, Phường 9, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
- Số điện thoại: 074 3 740 234 – 0743 855372
- Số fax: 074 3 740 239
- Website: tvpharm.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100274872 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 09/5/2003, cấp thay đổi bổ sung lần 9 ngày 14/10/2013.
- Vốn điều lệ: 100,8 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014: 191.916.126.689 đồng

## 2. Ngành nghề kinh doanh:

### Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng: Thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y; Nguyên liệu, hương liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa -sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài); Thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn.

## **Ngành nghề kinh doanh chủ yếu năm 2014:**

Trong năm 2014, Công ty chủ yếu hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược do công ty sản xuất. Ngoài ra, công ty có kinh doanh thêm hàng tân dược nhập khẩu và hàng của một số công ty dược trong nước.

### **3. Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ ngày 20 tháng 05 **năm 1992**.

**Năm 1994**, thành lập Xí nghiệp sản xuất thuốc, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu khám trị bệnh cho nhân dân trong tỉnh.

**Năm 1997**, đầu tư xây dựng mới Nhà máy sản xuất dược phẩm Non  $\beta$ -Lactam với dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị hiện đại, trong đó có dây chuyền công nghệ mới về sản xuất thuốc dạng nang mềm đầu tiên trong cả nước và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.

**Tháng 12/1999**, Công ty được Cục quản lý dược - Bộ Y Tế cấp Giấy chứng nhận nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc khối ASEAN” (GMP- ASEAN); Kho đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt bảo quản thuốc”(GSP); Phòng Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” (GLP).

**Năm 2002**, Công ty đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000

**Năm 2003**, thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh

**Năm 2006**, đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM.

**Năm 2007**, Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh  $\beta$ -Lactam đi vào hoạt động với trang thiết bị hiện đại, trong đó có *dây chuyền thuốc tiêm bột* là dây chuyền công nghệ hoàn toàn nhập khẩu từ Mỹ, có công suất 10 triệu lọ /năm.

**Năm 2008**, nâng cấp Nhà máy Non  $\beta$ -Lactam từ tiêu chuẩn GMP-ASEAN lên tiêu chuẩn GMP-WHO. Chú trọng đầu tư mở rộng mạng lưới phân phối khắp toàn quốc.

**Tháng 11 năm 2008**, Công ty được Cục quản lý dược- Bộ Y tế chứng nhận hai Nhà máy sản xuất Non  $\beta$ -Lactam và  $\beta$ -Lactam đều đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

**Tháng 12 năm 2009**, Hệ thống quản lý chất lượng được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

**Năm 2010**, ký kết hợp đồng xuất khẩu đầu tiên sang Nigeria.

**Năm 2013**, xây dựng Nhà máy thực phẩm chức năng.

**Năm 2014**, cải tạo nâng cấp Nhà máy Non  $\beta$ -Lactam.

## **4. Các phần thưởng cao quý:**

Công ty vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý sau:

- Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”
- Huân chương Lao Động hạng 1
- Huân chương Lao Động hạng 2
- Huân chương Lao Động hạng 3

## **5. Qui mô và vị thế của TV.PHARM**

### **5.1 Qui mô sản xuất kinh doanh**

#### **Diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh và Năng lực sản xuất:**

Tổng diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn công ty là khoảng 30.000 m<sup>2</sup>, trong đó gồm những hạng mục chính như sau:

- Văn phòng công ty diện tích 500 m<sup>2</sup>
- Nhà máy Non-β-Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO), diện tích 1.400m<sup>2</sup>, công suất 800 triệu viên/năm.
- Nhà máy β-Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO): diện tích 1.400m<sup>2</sup>, công suất 420 triệu viên/năm, 06 triệu gói/năm. Đặc biệt, Nhà máy β-Lactam có dây chuyền sản xuất thuốc tiêm công suất 10 triệu lọ/năm.
- Nhà máy thực phẩm chức năng: diện tích 360m<sup>2</sup>, công suất 240 triệu viên /năm.
- Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP, diện tích 300 m<sup>2</sup>
- Nhà kho đạt tiêu chuẩn GSP, tổng diện tích 2.500 m<sup>2</sup>
- Văn phòng các Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Trà Vinh và các hiệu thuốc trong địa bàn tỉnh Trà Vinh, tổng diện tích 3.200 m<sup>2</sup>

#### **Các nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất:**

Hiện nay sản phẩm của TV.PHARM rất đa dạng bào chế, thuộc các nhóm hàng sau:

- Nhóm kháng sinh Cephalosporin
- Nhóm hô hấp
- Nhóm kháng viêm
- Nhóm kháng histamin
- Nhóm giảm đau, hạ sốt
- Nhóm tim mạch, huyết áp
- Nhóm đường huyết
- Nhóm tiêu hóa, đường ruột

- Nhóm thần kinh, tuần hoàn não
- Nhóm vitamin bổ dưỡng
- Nhóm dùng ngoài da, ...

Các sản phẩm có thương hiệu được khách hàng tín nhiệm:

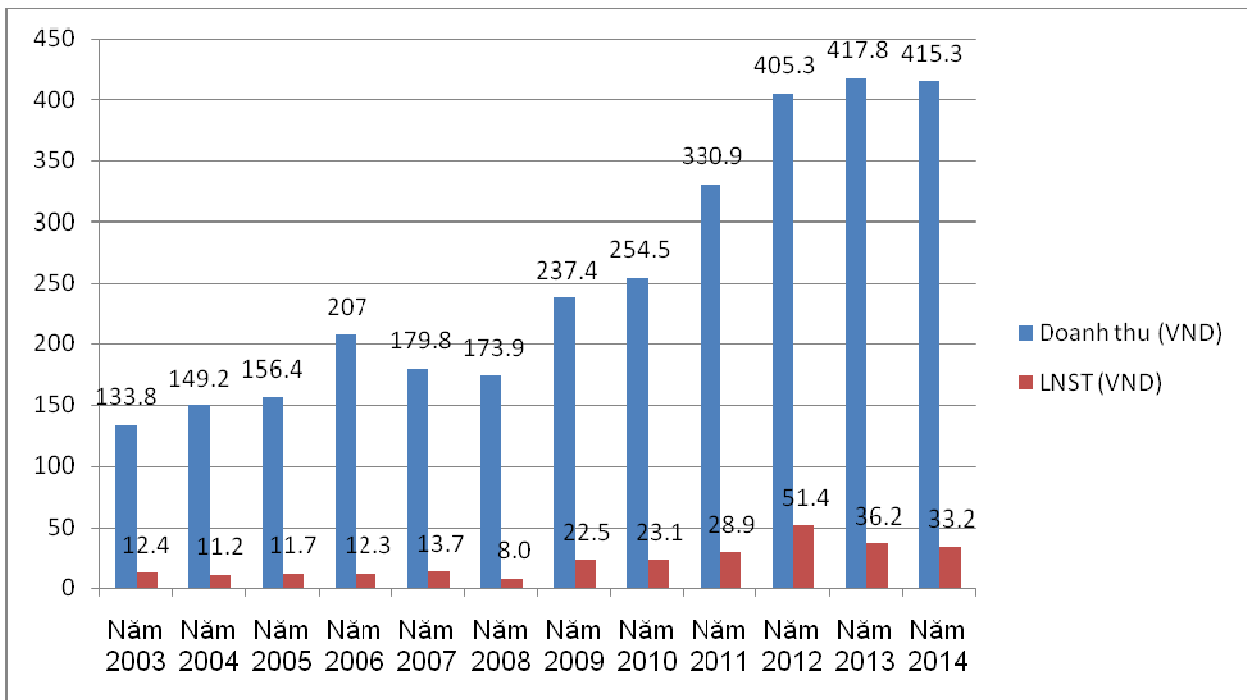
- Dòng sản phẩm  $\beta$ -lactam: TRAFORAN, TRAFUCEF-S, TRAVINAT, TV-ZIDIM,...
- Dòng sản phẩm Non  $\beta$ -lactam: VARTEL 20mg, CLOPIDOGREL 75mg, PANCIDOL EXTRA, TV-OMEPRAZOLE, PRAZOPRO 40mg, PRAZOPRO 20mg, TISMISARTAN, TERPIN CODEIN, DIANGESIC CODEIN, NEO-CORCLION F, TV.PAPEN F, ...

### Số chi nhánh trực thuộc:

Công ty có 09 chi nhánh trực thuộc trải đều khắp cả nước gồm các Chi nhánh: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Khánh Hòa, Đồng Nai, Đăklăk, An Giang và Trà Vinh.

### Tổng doanh thu và lợi nhuận:

**Biểu đồ doanh thu, lợi nhuận Công ty từ khi cổ phần hóa:**



Sau mười một năm cổ phần hóa, doanh thu Công ty tăng trưởng 310,4%, lợi nhuận tăng trưởng 267,7%.

## 5.2 Vị thế:

Từ khi thành lập năm 1992, đến nay thương hiệu Dược TV.PHARM đã từng bước khẳng định được vị thế của mình:

- Hiện nay TV.PHARM đứng thứ 4 so với các công ty dược ở khu vực ĐBSCL và đứng trong TOP 30 của các công ty dược trong nước.
- Những sản phẩm thế mạnh của TV.PHARM cũng là lợi thế cạnh tranh so với các công ty bạn, hiện nay TV.PHARM có dây chuyền sản xuất Viên nang mềm và dây chuyền sản xuất kháng sinh tiêm Cephalosporin hiện đại, chưa khai thác hết công suất.

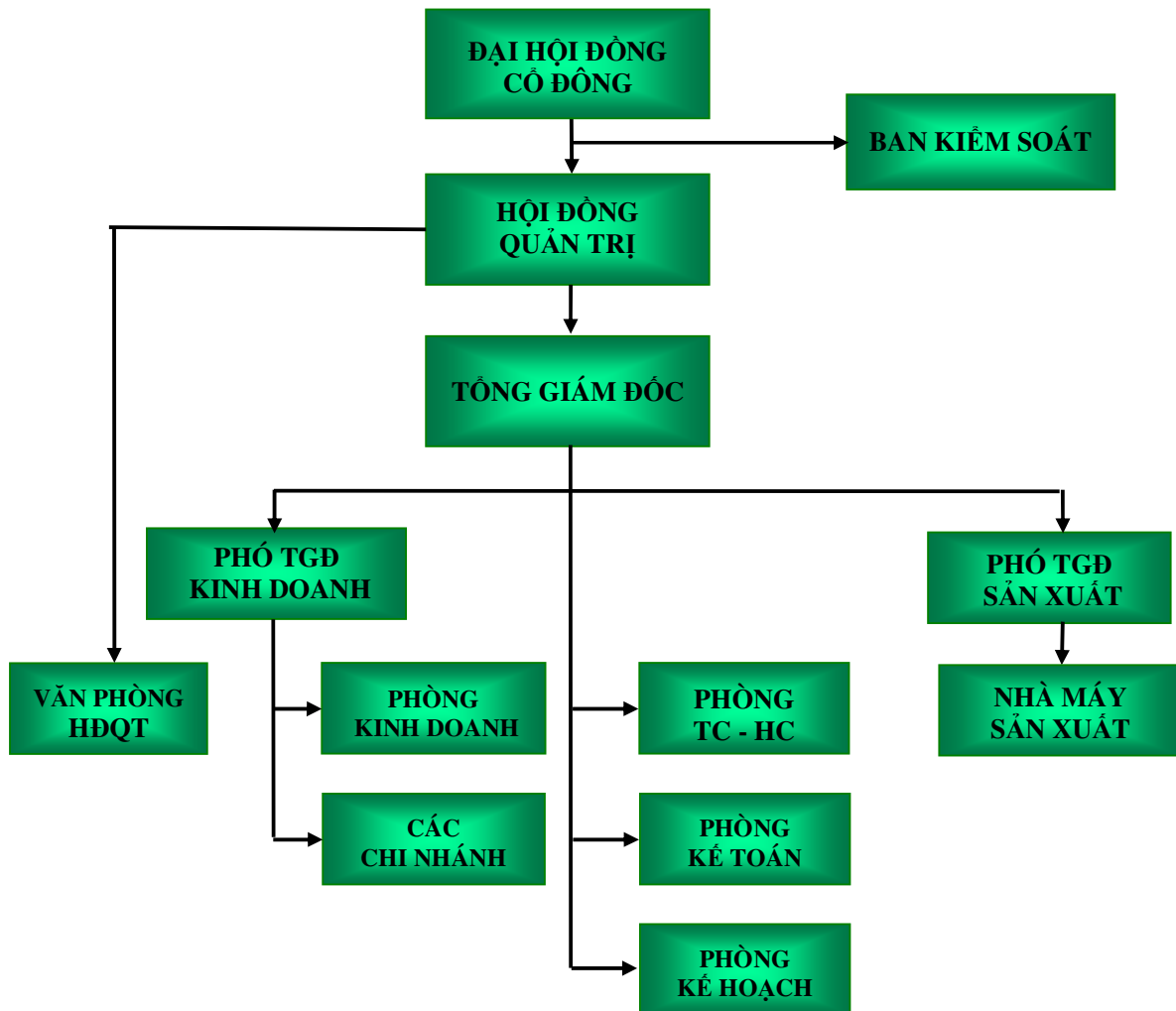
## Phần 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

### 1. Mô hình quản trị:

- TV.PHARM là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- Về chứng khoán, hiện TV.PHARM là công ty đại chúng, chưa niêm yết trên sàn.

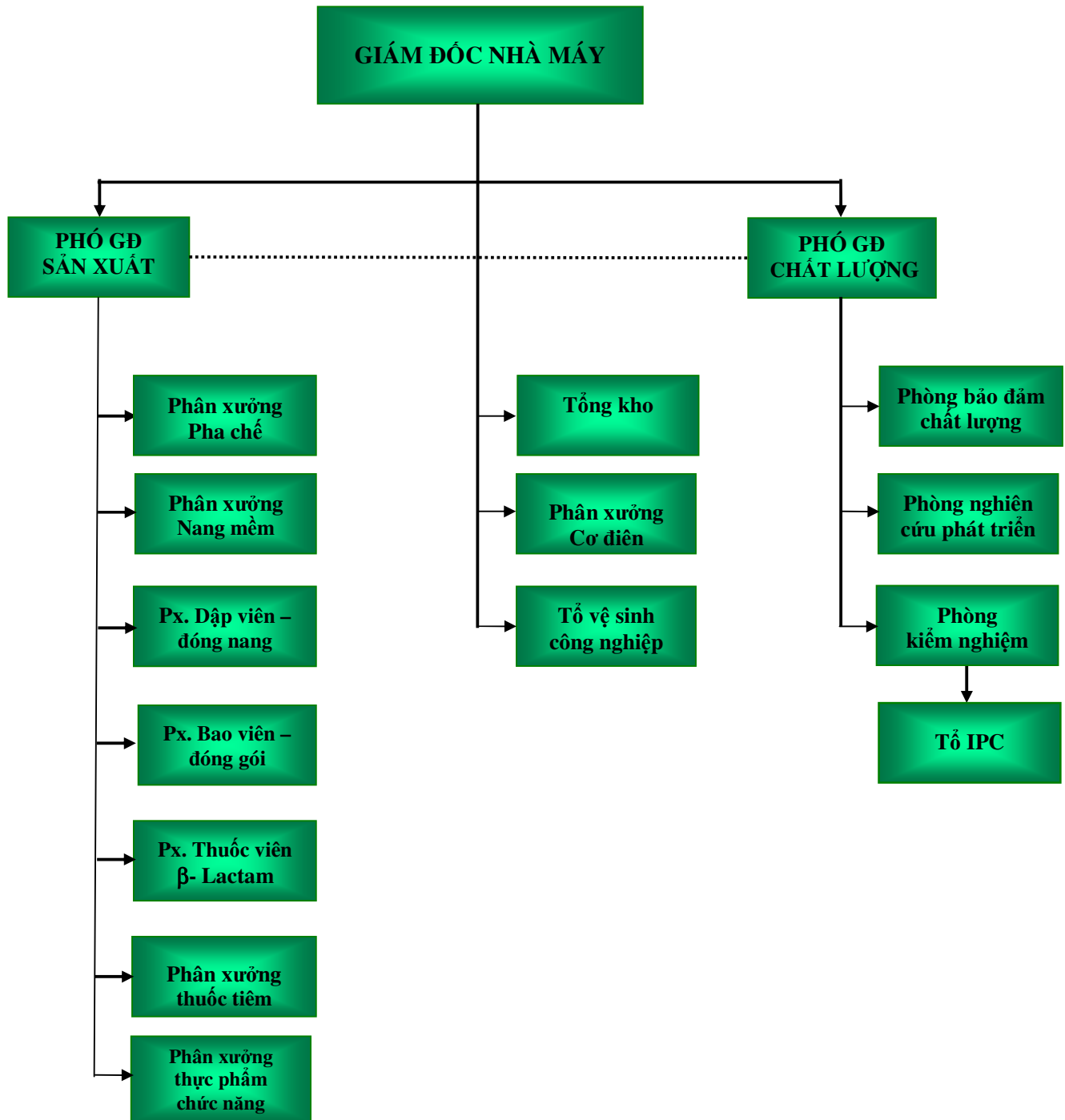
### 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức toàn Công ty:





**Chi tiết sơ đồ cơ cấu tổ chức Nhà máy sản xuất:**



## Chi tiết Hệ thống Chi nhánh bán hàng:

Khi thành lập, công ty chỉ có 07 hiệu thuốc trung tâm huyện thị thuộc tỉnh thì đến cuối năm 2014 hệ thống bán hàng của Công ty đã rộng khắp toàn quốc, bao gồm 09 Chi nhánh kinh doanh phân bố theo cụm, trải đều khắp cả nước:

1	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI HÀ NỘI</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Số 22, Lô 11B, Trung Yên 10, KĐT Trung Yên, P Trung Hòa, Cầu Giấy, HN
	<i>Điện thoại:</i> 043.7833.516
2	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐÀ NẴNG</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Số 423, Trưng Nữ Vương, Hải Châu, Đà Nẵng
	<i>Điện thoại:</i> 0511.3633.951
3	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐẮKLẮK</b>
	<i>Địa chỉ:</i> A8, Khu Hiệp Phúc, Phường Tân Lợi, Buôn Mê Thuật, Đắk Lắk
	<i>Điện thoại:</i> 0500.3877.784
4	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI KHÁNH HOÀ</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Lô 60, Đường B1, Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, Nha Trang, Khánh Hoà
	<i>Điện thoại:</i> 0583.896.579
5	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐỒNG NAI</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Số 29, Hồ Văn Đại, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
	<i>Điện thoại:</i> 061.3943.504
6	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI HỒ CHÍ MINH</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Q1A, Bạch Mã, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
	<i>Điện thoại:</i> 0839.702.315
7	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI AN GIANG</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Số 11B, Bùi Thị Xuân, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, An Giang
	<i>Điện thoại:</i> 076.6253.137
8	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI CẦN THƠ</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Số 17 B2, Khu dân cư 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
	<i>Điện thoại:</i> 0710. 3781.345
9	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRÀ VINH</b>
	<i>Địa chỉ:</i> Số 1/8, Trần Phú, Phường 7, TP. Trà Vinh, Trà Vinh
	<i>Điện thoại:</i> 0743.753.072

### **3. Ban quản trị Công ty:**

#### **Ông BÙI VĂN TÙNG**

##### **Chủ tịch HĐQT**

Sinh năm 1956

Số chứng minh nhân dân: 334000958

Địa chỉ thường trú : 70 - Đồng Khởi, Phường 6, Tp.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Trình độ: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

08/1973 - 04/1975 Nhân viên Phòng dược chính – Ban dân y tỉnh Trà Vinh

05/1975 - 06/1982 Nhân viên Xí nghiệp liên hiệp dược Cửu Long

07/1982 - 09/1993 Giám đốc Trung tâm y tế Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

10/1993 - 09/2003 Phó giám đốc Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 - 08/2011 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

8/2011 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

#### **Ông LÊ VIỆT THÀNH**

##### **Phó Chủ tịch HĐQT**

Sinh năm: 1970

Số chứng minh nhân dân: 023620039

Địa chỉ thường trú : Số 1, Đường 49, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1992 - 1993 Nhân viên Công ty giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè.

1993 - 1994 Kế toán viên Xí nghiệp in hải quan, Tổng Cục hải quan

1995 - 2005 Trưởng phòng bảo hiểm tài sản, bồi thường Công ty bảo hiểm TP HCM

2005 - 2007 Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm AAA

2007 - nay Phó giám đốc Chi nhánh Khu vực phía Nam Tổng công ty ĐT và KDVNN (SCIC)

6/2011 - nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CPDP TV.PHARM

#### **Ông NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN**

##### **Thành viên HĐQT**

##### **Tổng giám đốc**

Sinh năm: 1960

Số chứng minh nhân dân: 025203490

Địa chỉ thường trú : 28 Đường 81, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

01/1984 - 06/1992 Giáo viên Trường trung học y tế Cửu Long

07/1992 - 09/2001 Trưởng phòng kế hoạch nghiệp vụ Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh  
10/2001- 05/2003 Phó Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh  
05/2003 -11/2011 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM  
11/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP dược phẩm TV.PHARM

### **Ông HÀ VĂN ĐỒNG**

**Thành viên HĐQT**

**Phó TGD sản xuất**

Năm sinh: 1966

Số chứng minh nhân dân: 334454430

Địa chỉ thường trú : Phường 8, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Trình độ: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

03/1990 -> 05/1993 Nhân viên Công ty dược vật tư y tế Cửu Long

06/1993 -> 09/2003 Giám đốc nhà máy sản xuất Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

### **Ông LÊ XUÂN TRƯỜNG**

**Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 1977

Số chứng minh nhân dân: 025278972

Địa chỉ thường trú : 145, Đường 79, Phường Tân Qui, Quận 7, TPHCM

Trình độ: Dược sĩ đại học, Thạc sĩ dược học

Quá trình công tác:

2003 - 2010 Giáo viên Dược Trung học – ĐH Y dược TPHCM

2011 - nay Giảng viên ĐH Y dược TPHCM

05/2012 - nay Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

### **Ông LÊ HỮU PHƯỚC**

**Trưởng Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1966

Địa chỉ thường trú : Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

Số chứng minh nhân dân: 334290222

Trình độ: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

1985 – 1990 Cán bộ Phòng Tài chính huyện Càng Long tỉnh Cửu Long

1991 – 1992 Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Cửu Long

1993 – 1994 Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

1995 - 1998 Trưởng phòng nghiệp vụ Cục Quản lý vốn và tài sản NN tại DN tỉnh Trà Vinh

1999 - 2010 Phó phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

2011 - nay Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh  
2004 - nay: Trưởng BKS Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

### **Ông NGUYỄN KIÊN CƯỜNG**

#### **Thành viên BKS**

Năm sinh: 1980

Số chứng minh nhân dân: 271552279

Địa chỉ thường trú : Số 9, Tổ 7, Khu phố 2, Phường Long Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ: Thạc sĩ tài chính – Thương mại quốc tế

Quá trình công tác:

11/2002 - 3/2012 Chuyên viên đào tạo Trường ĐH sư phạm kỹ thuật TPHCM

04/2012 – nay Chuyên viên đầu tư Chi nhánh phía nam SCIC

04/2014 đến nay Thành viên BKS Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

### **Ông ĐOÀN VĂN**

#### **Thành viên BKS**

Năm sinh: 1970

Số chứng minh nhân dân: 334349080

Địa chỉ thường trú: 118/8 đường Độc Lập, khóm 2, phường 3, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trình độ: Dược sĩ Đại Học

Quá trình công tác:

8/1994 – nay làm việc tại Nhà máy sản xuất Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM.  
Chức vụ hiện tại: Quản đốc Phân xưởng bao viên đóng gói.

4/2014 – nay Thành viên BKS Công ty CPDP TV.PHARM

### **Ông NGUYỄN THÀNH SĨ**

#### **Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 1967

Số chứng minh nhân dân: 334141359

Địa chỉ thường trú : Đầu Bờ, Hòa Thuận, Châu Thành, Trà Vinh.

Trình độ: Dược sĩ đại học, Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

12/1991 - 03/1992 Nhân viên Xí nghiệp dịch truyền Cửu Long

05/1992 - 09/2003 Phó phòng Kế hoạch Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 - 09/2005 Phó phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

10/2005 - 10/2011 Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

11/2011 - 7/2012 Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

8/2012 - nay Phó Tổng giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

## **Ông HOÀNG VĂN GIỚI**

### **Kế toán trưởng**

Năm sinh: 1956

Số chứng minh nhân dân: 331797248

Địa chỉ thường trú: 162/6 Phường 5, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Trình độ: Đại học tài chính kế toán

Quá trình công tác:

1977-> 1979            Chủ nhiệm Khóa 30 Trường xây dựng số 8 – Bộ xây dựng  
1980 -> 1985            Kế toán trưởng Xí nghiệp liên hợp dược Cửu Long  
1986 -> 1988            Học tại trường Đại học tài chính kế toán Thành Phố Hồ Chí Minh  
1989 -> 1990            Phụ trách kiêu hồi xuất nhập khẩu Xí nghiệp liên hợp dược Cửu Long  
1991                      Phụ trách nông trường dược liệu Xí nghiệp liên hợp dược Cửu Long  
01/1992 -> 09/2003    Kế toán trưởng Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh  
10/2003 - 7/2011      Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP DP TV. PHARM  
7/2011 – nay            Kế toán trưởng Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

## **4. Nhân sự và chính sách người lao động:**

### **4.1 Cơ cấu nhân sự các năm từ 2010-2014:**

<b>Phân loại</b>	<b>31/12/2010</b>		<b>31/12/2011</b>		<b>31/12/2012</b>		<b>31/12/2013</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>SL</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>SL</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>SL</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>SL</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>SL</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<b>Theo giới tính:</b>										
Nam	259	51,29%	254	50,50%	271	50,19%	286	50,20%	299	49,83%
Nữ	246	47,71%	249	49,50%	269	49,81%	284	49,80%	301	50,17%
<b>Theo trình độ:</b>										
Trên đại học	3	0,59%	3	0,59%	4	0,74%	3	0,53%	4	0,67%
Đại học	83	16,40%	79	15,77%	90	16,66%	111	19,47%	122	20,33%
Trung học	248	49,10%	263	52,23%	285	52,60%	299	52,45%	328	54,67%
Dược tá, PTTH	171	33,91%	158	31,41%	162	30,00%	149	26,14%	146	24,33%
<b>Theo khối chức năng:</b>										
Khối văn phòng	51	10,10%	54	10,74%	76	14,07%	75	13,16%	73	12,17%
Khối sản xuất	220	43,56%	225	47,73%	249	46,11%	264	46,32%	281	46,83%
Khối kinh doanh	234	46,34%	224	41,53%	215	39,82%	231	37,52%	246	41,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>505</b>	<b>100%</b>	<b>503</b>	<b>100%</b>	<b>540</b>	<b>100%</b>	<b>570</b>	<b>100%</b>	<b>600</b>	<b>100%</b>

### **4.2 Chính sách cho người lao động:**

#### **4.2.1. Tiền lương:**

##### **Lương cơ bản:**

Là mức lương ghi trong trong hợp đồng lao động, được tính dựa trên hệ số lương theo thang bảng lương của Công ty Nhà nước nhân với mức cơ sở do Nhà nước quy định. Lương cơ bản là cơ sở để Công ty tham gia các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; tính lương ngừng việc, nghỉ chế độ có hưởng lương, chế độ nghỉ phép.. có liên quan đến người lao động. Người lao động được nâng lương cơ bản theo đúng quy định về nâng bậc lương hàng năm của pháp luật lao động.

### **Tiền lương thực nhận:**

Công ty hình thành quỹ lương dựa trên đơn giá tiền lương tổng hợp theo tổng doanh thu. Người lao động làm việc tại công ty được chia làm ba khối: văn phòng, sản xuất, kinh doanh. Mỗi khối, Công ty sẽ áp dụng hình thức trả lương phù hợp với tính chất công việc, trình độ chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc phù hợp với pháp luật lao động và quy định của Công ty:

- Khối Văn phòng: Áp dụng hình thức trả lương công việc gắn với thời gian.
- Khối sản xuất: Áp dụng hình thức giao khoán Quỹ lương sản phẩm cho Nhà máy theo đơn giá tiền lương từng đơn vị sản phẩm.
- Khối kinh doanh: áp dụng hình thức khoán quỹ lương theo doanh thu.

Tùy theo hiệu quả và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, người lao động được chi lương bổ sung vào các dịp lễ 30/4, 02/9 và/hoặc tháng lương 13.

### **4.2.2. Tiền thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty áp dụng chính sách khen, thưởng:

- Thưởng vượt doanh số khoán đối với nhân viên bán hàng (theo từng quý).
- Khen, thưởng danh hiệu cuối năm: đối với cá nhân và tập thể toàn công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tốt nội quy, quy chế công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới; có sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh,...
- Đề xuất khen cao cho cá nhân và tập thể theo hướng dẫn của Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh, Trung ương.
- Khen đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật, điển hình.

### **4.2.3 Phúc lợi:**

Công ty luôn thực hiện đúng quy định pháp luật lao động: ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn con người; khám sức khỏe định kỳ; bồi dưỡng độc hại; phụ cấp tiền ăn giữa ca theo định mức tối đa của Nhà nước; trang bị đồng phục, đồ bảo hộ lao động...

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: cải tạo cảnh quan môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp; tổ chức tham quan du lịch hàng năm, đào tạo kết hợp du lịch; duy trì các hoạt động văn hóa vào các dịp Ngày quốc tế phụ nữ, Tết thiếu nhi, các phong trào thể dục thể thao giao lưu giữa các đơn vị... đã tạo không khí vui tươi phấn khởi cho nhân viên để làm việc tốt hơn;

Thêm vào đó, thỏa ước lao động tập thể được ký kết ngày 07/03/2014 giữa Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty đã là bước tiến mới trong chính sách lao động của Công ty. Cụ thể: người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu ngoài các khoản do BHXH chi trả, người lao động còn được Công ty tặng quà (tiền mặt): Có thời gian công tác tại Công ty từ trên 10 năm đến 15 năm: 3.000.000đ; từ trên 15 năm đến hơn 20 năm: 5.000.000đ

Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ cho các nhân viên được phân công công tác tại các chi nhánh của Công ty: nhân viên có hộ khẩu tại các tỉnh miền Tây công tác tại các chi nhánh của Công ty từ Bình Thuận trở ra miền Bắc sẽ được hỗ trợ thanh toán chi phí tiền xe hoặc tiền tàu hỏa 02 lần/năm (01 lần nghỉ phép năm và 01 lần nghỉ Tết Nguyên đán); nhân viên công tác tại Văn phòng, nhà máy sản xuất và chi nhánh Công ty phía Nam sẽ được hỗ trợ thanh toán chi phí tiền xe hoặc tiền tàu hỏa 01 năm/lần khi về thăm cha mẹ vợ/chồng, vợ/chồng và con ruột ở các tỉnh miền Trung, miền Bắc.



## Phần 3: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

### **1. Bối cảnh kinh doanh năm 2014:**

#### **1.1. Thuận lợi:**

- Ban Tổng Giám đốc luôn quan tâm sâu sát tình hình kinh doanh để có những chỉ đạo, định hướng kịp thời, tháo gỡ khó khăn của các đơn vị trực thuộc.
- Sự cố gắng từ Trưởng các phòng ban, Ban Giám đốc và từng nhân viên tại các chi nhánh.
- Sản phẩm của công ty được thị trường chấp nhận.
- Đội ngũ trình được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm.
- Có chế độ khen thưởng, kỷ luật từ đó kích thích trình được tích cực bán hàng hơn.
- Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình khuyến mãi, hội nghị khách hàng nên đã tạo được mối quan hệ thân thiết với khách hàng.

#### **1.2. Khó khăn:**

- Tình hình cạnh tranh của các công ty tại thị trường OTC mạnh hơn các năm trước.
- Cạnh tranh về sản phẩm và giá giữa các công ty ngày càng gay gắt do áp dụng Thông tư 01 của Bộ Y Tế về đấu thầu thuốc. Giá thuốc trúng thầu năm 2014 giảm rất nhiều, đặc biệt là các sản phẩm thuộc nhóm kháng sinh do đó lợi nhuận của công ty không đạt kế hoạch đã đề ra.
- Công tác đăng ký thuốc gặp rất nhiều khó khăn, nhiều mặt hàng hết số đăng ký nhưng xin cấp lại SDK chậm hoặc một số mặt hàng trước đây là thế mạnh của công ty nhưng không được phép sản xuất nữa (do không được cấp lại SDK).
- Thông tư số 19 của Bộ Y Tế quản lý chặt chẽ các thuốc có chứa chất gây nghiện, hướng thân và tiền chất làm giảm doanh số kinh doanh, đặc biệt ở các vùng miền có truyền thống sử dụng các sản phẩm thuốc ho có chứa Codein như Miền Bắc, Bắc Miền Trung và Tp. HCM,...

### **2. Báo cáo của Tổng giám đốc về hoạt động, sản xuất, kinh doanh năm 2014:**

#### **2.1 Về sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng năm 2014**

##### **Về Hệ thống sản xuất và quản lý chất lượng:**

Văn phòng Công ty và hệ thống sản xuất, kiểm nghiệm, nhà kho của TV.PHARM nằm liên hoàn trên một quỹ đất rộng lớn tại Thành phố Trà Vinh.

Về sản xuất:

- TV.PHARM hiện có 03 Nhà máy:
  - Nhà máy Non  $\beta$ -Lactam
  - Nhà máy  $\beta$ -Lactam
  - Nhà máy thực phẩm chức năng

- Việc triển khai sản xuất theo các nguyên tắc GMP-WHO, GLP, GSP, GDP và ISO 9001:2008 được duy trì và ngày hoàn thiện hơn.
- Về kiểm nghiệm sản xuất: Phòng thí nghiệm được nâng cấp mới năm 2013, được trang bị máy móc thiết bị tương đối đầy đủ và hiện đại và được bảo trì hiệu chuẩn, kiểm định tốt, nhân viên được đào tạo đầy đủ các kiến thức chuyên môn nên đáp ứng được khả năng kiểm mẫu cho sản xuất.
- Cơ cấu mặt hàng sản xuất đa dạng (được cấp phép hơn 300 số đăng ký thành phẩm tân dược và hơn 250 sản phẩm được sản xuất và phân phối trên thị trường)
- Chất lượng hàng sản xuất được đảm bảo ổn định, khẳng định hàng do TV.PHARM sản xuất có thể cạnh tranh với các công ty bạn về chất lượng và mẫu mã, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của thị trường.
- Tình hình đăng ký thuốc: Do sự quá tải của Cơ quan xét duyệt và cấp số đăng ký sản phẩm nên việc xin số đăng ký mới, cấp lại số đăng ký rất chậm, làm ảnh hưởng lớn đến công tác kinh doanh.

### Sản lượng sản xuất năm 2014 đạt được như sau:

TT	Tên quy cách sản phẩm	Đvt	Năm 2013	Năm 2014	So sánh (%) 2014/2013
<b>1</b>	<b>Nhà máy Non Beta lactam</b>				
-	Thuốc viên các loại	Viên	771.711.028	820.160.000	106%
-	Kem ngoài da	Chai	49.270	0	0
-	Thuốc gói	Gói	1.050.340	873.375	83%
<b>2</b>	<b>Nhà máy Beta lactam</b>				
-	Thuốc viên các loại	Viên	71.622.360	76.962.000	107%
	Thuốc tiêm	Lo	1.280.529	854.000	67%
	Thuốc gói	Gói	4.013.282	5.198.700	130%

## 2.2 Kết quả kinh doanh và phát triển thị trường năm 2014

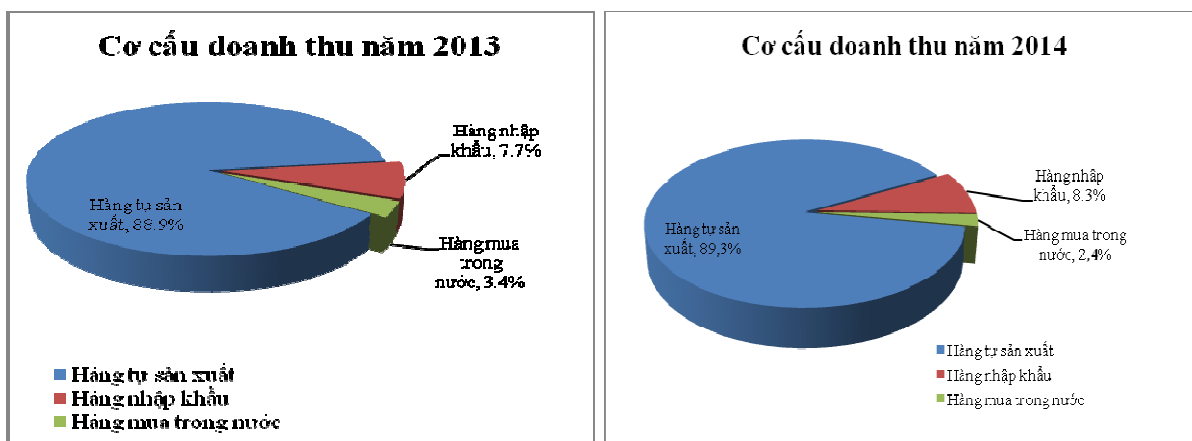
### Kết quả đạt được năm 2014:

CHỈ TIÊU	TH Năm 2013	KH 2014	TH Năm 2014	% TH 2014 so	
				TH 2013	KH 2014
<b>I. Tổng thu nhập</b>	<b>421.214.069.855</b>	<b>432.050.000.000</b>	<b>417.515.242.516</b>	<b>99,1</b>	<b>96,6</b>
1.Doanh thu bán hàng và DV	417.798.511.272	430.000.000.000	415.298.620.878	99,4	96,6
2.Doanh thu hoạt động Tài	2.297.611.007	1.500.000.000	1.130.096.154	49,2	75,3

chính					
3.Doanh thu hoạt động khác	1.117.947.576	550.000.000	1.086.525.484	97,2	197,6
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>370.206.702.461</b>	<b>379.485.936.000</b>	<b>374.527.818.004</b>	<b>101,2</b>	<b>98,7</b>
1.Giá vốn hàng bán	252.152.566.314	261.457.436.000	260.518.513.856	103,3	99,6
2.Chi phí tài chính	9.283.195.915	9.497.500.000	8.200.517.192	88,3	86,3
3.Chi phí bán hàng	83.777.951.444	83.850.000.000	83.704.173.369	99,9	99,8
4.Chi phí quản lý Doanh nghiệp	24.948.742.932	24.631.000.000	21.899.259.159	87,8	88,9
5.Chi phí khác	44.245.856	50.000.000	205.354.428	464,1	410,7
<b>III. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>51.007.367.394</b>	<b>52.564.064.000</b>	<b>42.987.424.512</b>	<b>84,3</b>	<b>81,8</b>
<b>IV.Thuế thu nhập</b>	<b>14.828.132.652</b>	<b>11.564.064.000</b>	<b>9.745.036.466</b>	<b>65,7</b>	<b>84,3</b>
<b>V.Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>36.179.234.742</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>33.242.388.046</b>	<b>91,9</b>	<b>81,1</b>

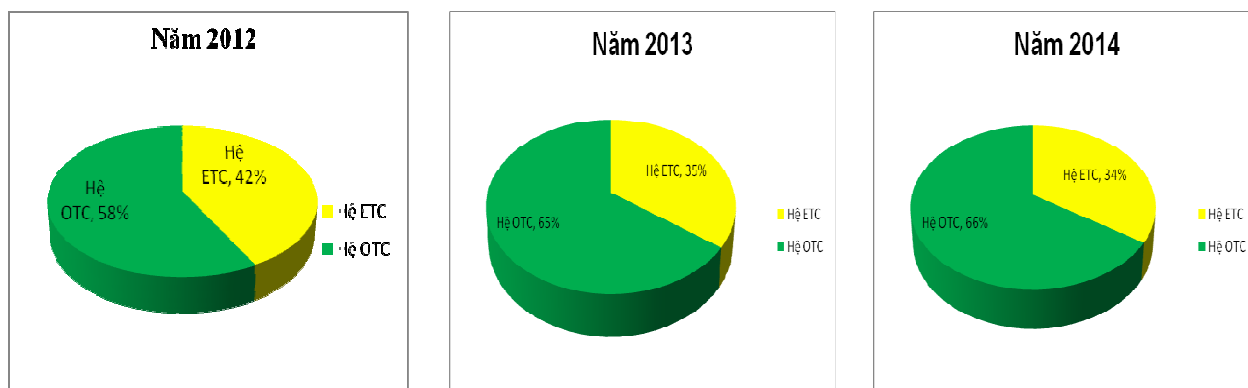
## Phân tích doanh thu bán hàng:

### Biểu đồ cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất:



TV.PHARM chủ yếu là kinh doanh hàng do chính Công ty sản xuất.

### Cơ cấu thị trường nội địa theo kênh bán hàng:

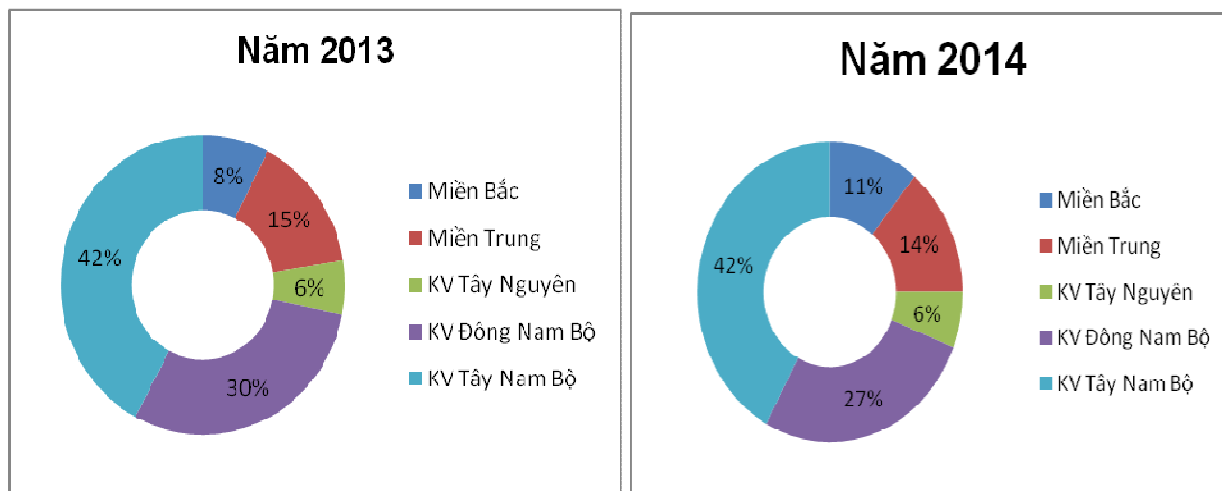


**Thị trường ETC:** Do Thông tư 01 của Bộ y tế về đấu thầu thuốc áp dụng từ năm 2012 nên tình hình đấu thầu thuốc vào hệ điều trị (ETC) của TV.PHARM năm 2013 gặp rất nhiều khó khăn và tiếp tục ảnh hưởng đến năm 2014.

Năm 2014, Doanh thu ETC đạt 83% kế hoạch đề ra, do các Chi nhánh không trúng thầu hoặc trúng thầu với giá rất thấp làm giảm doanh số và lợi nhuận. Đây là khó khăn chung của các Công ty dược trong nước, do sản xuất sản phẩm thuốc tốt, chất lượng cao nên không cạnh tranh được về giá thầu so các công ty chuyên kinh doanh thuốc giá rẻ.

**Thị trường OTC:** Với sự ảnh hưởng trực tiếp từ Thông tư 01, các Công ty dược trong nước đều chuyển hướng đầu tư sang Hệ thương mại (OTC), làm cho sự cạnh tranh thị trường OTC ngày càng gay gắt hơn.

**Cơ cấu thị trường bán hàng sản xuất theo khu vực địa lý:**



Để bù đắp doanh số kênh ETC, từ năm 2013, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã đề ra nhiều giải pháp để khai thác tối đa thị trường OTC của Công ty. Mặc dù doanh số OTC chưa tăng đáng kể nhưng năm 2014 là năm đánh dấu cho sự tập trung khai thác thị trường Miền Bắc và khu vực Bắc Miền Trung. Thể hiện qua việc Công ty phân thị trường Miền Bắc thành 05 vùng kinh doanh thuộc chi nhánh Hà Nội, mỗi vùng do 01 trưởng vùng phụ trách. Kết quả bước đầu có chuyển biến tốt về mạng lưới phân phối tại khu vực này, tuy nhiên doanh số vẫn chưa đạt như kỳ vọng.

## Hoạt động đào tạo và Marketing:

**Hoạt động đào tạo:** Tổ chức chương trình tập huấn hàng năm cho cán bộ quản lý và nhân viên bán hàng khối kinh doanh về kiến thức kỹ năng bán hàng và kiến thức sản phẩm. Xây dựng tính đồng đội thông qua các chương trình Team building, giúp các nhân viên bán hàng từ các Chi nhánh khác nhau cùng gặp gỡ, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm và khó khăn trong công việc.

### Các hoạt động marketing:

- Bộ phận Marketing xây dựng lại hệ thống nhận diện thương hiệu của Công ty thông qua nhiều hoạt động: tài trợ bảng hiệu cho các nhà thuốc, đặt wobbler quảng cáo sản phẩm, thay đổi trang web, áp dụng các hình thức Digital Marketing theo xu hướng mới...
- Tiến hành khảo sát thị trường khu vực Hà Nội, Miền Trung nhằm đưa ra chương trình khuyến mãi phù hợp để đẩy mạnh doanh số khu vực này.
- Tổ chức hội nghị khách hàng kết hợp giới thiệu sản phẩm thực phẩm chức năng mới do công ty sản xuất.
- Tìm kiếm đối tác hợp tác nhượng quyền sản xuất nhằm góp phần tăng doanh thu.

## 2.3 Tình hình tổ chức và nhân sự trong năm 2014

### Nhân sự Ban điều hành:

STT	Nhân sự	Chức vụ	Số CPSH đến 19/1/2015	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Tổng giám đốc	671.645	6,072%
2	Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh	5.473	0,05%
3	Ông Hà Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất	30.294	0,3%
4	Ông Hoàng Văn Giới	Kế toán trưởng	38.400	0,381%

Lý lịch nhân sự trình bày tại Ban quản trị Công ty (Phần 2 - Cơ cấu tổ chức nhân sự)

## Thay đổi nhân sự Ban điều hành:

Trong năm, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

## Số lượng lao động:

Số lượng lao động tại Công ty đến 31/12/2014 là 600 lao động.

## 2.4 Tình hình đầu tư năm 2014

TT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số tiền
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	VNĐ	2.426.682.364
2	Máy móc, thiết bị	VNĐ	4.363.995.455
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VNĐ	677.421.818
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VNĐ	283.046.980
5	TSCĐ khác	VNĐ	0
	<b>Cộng :</b>	VNĐ	<b>7.751.146.617</b>

Nguồn vốn đầu tư bằng nguồn vốn tự có của Công ty.

## 2.5 Tình hình tài chính năm 2014

### Tình hình tài sản :

TT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2013	tăng, giảm
<b>I.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>250.919.583.964</b>	<b>262.275.146.752</b>	<b>(11.355.562.788)</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.091.948.945	13.591.109.703	(7.499.160.758)
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	120.201.968.057	125.812.006.602	(5.610.038.545)
	- Phải thu khách hàng	111.973.429.102	126.459.517.695	(14.486.088.593)
	- Trả trước cho người bán	4.590.391.968	3.478.474.260	1.111.917.708
	- Các khoản phải thu khác	9.723.821.860	695.795.711	9.028.026.149
	- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.085.674.873)	(4.821.781.064)	(1.263.893.809)
3	Hàng tồn kho	117.238.709.573	115.566.837.314	1.671.872.259
	- Hàng tồn kho	117.623.198.299	115.566.837.314	2.056.360.985
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			-

		(384.488.726)		(384.488.726)
4	Tài sản ngắn hạn khác	7.386.957.389	7.305.193.133	81.764.256
	-Chi phí trả trước ngắn hạn	243.894.964	512.394.100	(268.499.136)
	-Thuế gtgt được khấu trừ	2.413.681.272	895.972.377	1.517.708.895
	-Tài sản ngắn hạn khác	4.729.381.153	5.896.826.656	(1.167.445.503)
<b>II.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>51.870.459.909</b>	<b>52.771.370.183</b>	<b>(900.910.274)</b>
1	Tài sản cố định	51.043.187.178	52.299.970.687	(1.256.783.509)
2	Tài sản dài hạn khác	827.272.731	471.399.496	355.873.235
	<b>TỔNG TÀI SẢN :</b>	<b>302.790.043.873</b>	<b>315.046.516.935</b>	<b>(12.256.473.062)</b>

#### **Các khoản phải thu của người mua:**

Tổng nợ phải thu 111,973 tỷ đồng. Bao gồm:

- Nợ phải thu khách hàng là Bệnh viện, Trạm xá (ETC): 54,281 tỷ đồng.
- Khách hàng là Đại lý, nhà thuốc (OTC): 57,692 tỷ đồng.

Trong năm 2014, Công ty đã ban hành và triển khai một loạt các quy định trong lĩnh vực kinh doanh bán hàng như: Trả lương trên số tiền thực thu nộp về Công ty. Định mức chi phí, lương, công nợ phải thu và hàng hóa tồn kho. Bước đầu đã có chuyển biến tích cực, hạn chế tình trạng nợ nần day dưa, chiếm dụng vốn. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm nay phát sinh 132 triệu đồng. Nợ phải thu khó đòi cuối năm 2014 là 1,219 tỷ, trong đó: khách hàng Bệnh viện 192 triệu đồng, khách hàng là công ty có vốn nhà nước và Đại lý thuốc số tiền 1,027 tỷ đồng.

- Các khoản phải thu của người mua năm nay so với năm 2013 giảm 14,486 tỷ đồng. Tình hình bán hàng và thu hồi nợ của các đơn vị trực thuộc Công ty nhìn chung đã có chuyển biến. Song còn một vài tồn tại cần phải khắc phục: Thủ tục mua bán và xác nhận công nợ cuối mỗi tháng phải được thường xuyên đối chiếu và đơn đốc thu hồi nợ và nộp về công ty.
- Vòng quay công nợ phải thu năm 2014 là 3,4 vòng, kỳ luân chuyển 106 ngày.

**Hàng hóa tồn kho:** Kỳ này so kỳ trước tăng 1,684 tỷ đồng. Do một số nguyên liệu nhập khẩu có giá trị lớn được nhập về vào những ngày cuối năm. Hàng hóa tồn kho của công ty đều trong tình trạng sẵn sàng đáp ứng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hàng hóa luân chuyển bình thường và được trích lập dự phòng cho số hàng hóa tồn kho này. Vòng quay hàng tồn kho kỳ này 1 2,2 vòng, kỳ luân chuyển 164 ngày.

**Đầu tư mua sắm tài sản dài hạn:** Tổng giá trị tài sản cố định đầu tư trong năm 7,751 tỷ đồng. Gồm có: Xây dựng, sửa chữa nhà cửa: 2,427 tỷ đồng, mua sắm máy móc thiết bị 4,364 tỷ đồng, phương tiện vận tải 677 triệu đồng, dụng cụ quản lý 283 triệu đồng. Nguồn vốn đầu tư bằng nguồn vốn tự có của Công ty.

### **Nợ phải trả:**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>tăng,giảm</b>
1	Vay ngắn hạn Ngân hàng	34.710.812.984	53.087.453.186	(18.376.640.202)
2	Phải trả người bán	44.520.201.327	42.567.480.170	1.952.721.157
3	Người mua trả tiền trước	182.066.887	84.046.006	98.020.881
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	4.659.617.405	9.126.929.896	(4.467.312.491)
5	Phải trả người lao động	6.543.970.943	8.255.573.056	(1.711.602.113)
6	Chi phí phải trả	9.624.769.521	13.666.684.712	(4.041.915.191)
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.410.961.294	716.900.916	694.060.378
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.013.699.087	1.525.467.985	1.488.231.102
9	Doanh thu chưa thực hiện	635.993.774	3.780.431.883	(3.144.438.109)
10	Phải trả dài hạn khác	300.000.000	311.000.000	(11.000.000)
11	Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.271.823.962	5.582.347.250	(310.523.288)
	<b>Cộng :</b>	<b>110.873.917.184</b>	<b>138.704.315.060</b>	<b>(27.830.397.876)</b>

**Vay ngắn hạn Ngân hàng:** Năm 2014 công tác huy động vốn có nhiều thuận lợi, các khoản vay luôn được duy trì ở mức lãi suất dưới 8% năm. Tỷ giá hối đoái ổn định. Đáp ứng kịp thời, đầy đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Công tác thu hồi nợ và đáo hạn các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng có nhiều chuyển biến tích cực. Giảm dư nợ Ngân hàng 18,376 tỷ đồng. Không để xảy ra nợ quá hạn. Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu năm nay là 15%, năm 2013 là 22% . Số nợ thuần tiền vay Ngân hàng giảm 7%, từ đó chứng tỏ Công ty đã có chính sách bán hàng thu nợ tốt, giảm chi phí tài chính và hạn chế rủi ro về biến động lãi suất và tỷ giá ngoại tệ Ngân hàng. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro để có biện pháp phòng ngừa rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thực hiện tốt việc bảo toàn và phát triển vốn hàng năm của Công ty.



**Phải trả người bán:** Tổng nợ phải trả 44,52 tỷ đồng. Trong đó nợ nhà cung cấp nước ngoài USD 883.260 và 124.080 EUR tương đương 18,025 tỷ VND. Chủ yếu là tiền nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Nợ phải trả người bán trong nước 26,495 tỷ đồng, gồm các khoản tiền hàng nguyên liệu, bao bì, hàng hóa mua trong nước và các khoản đầu tư xây dựng cơ bản. Trong năm không có khoản nợ phải trả là nợ xấu.

- Thuế phải nộp Nhà nước: 4.659.617.405 đồng, gồm các loại thuế: Thuế TNDN 3.998.804.512 đồng, thuế TNCN 615.371.312 đồng, thuế khác 45.441581 đồng.
- Phải trả người lao động: 6.543.970.943 đồng. Bao gồm các khoản lương, tiền ăn.
- Chi phí phải trả: 9.624.769.521 đồng là các khoản trích chi phí khuyến mại, quảng cáo, chi phí chăm sóc khách hàng. So cùng kỳ 2013 giảm 4.041.915191 đồng.
- Các khoản phải trả, phải nộp khác: 1.410.961.294 đồng gồm: tài sản thừa chờ xử lý 63,5 triệu đồng, tiền thù lao HĐQT và BKS công ty 225,6 triệu đồng. Doanh thu chưa thực hiện 636 triệu đồng, các khoản phải trả khác 485 triệu đồng.

### Phân tích chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	2014	2013	+, -
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2.3	2.0	0.3
- Khả năng thanh toán nhanh	1.3	1.1	0.2
- Khả năng thanh toán tức thời	0.1	0.1	0.0
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Tỷ trọng vốn kinh doanh : - Vốn lưu động (%)	77.9	74.3	3.6
- Vốn cố định (%)	22.1	25.7	-3.6
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay tổng tài sản (lần)	1.4	1.3	0.0
- Vòng quay TSCĐ (lần)	8.0	7.9	0.1
- Vòng quay vốn lưu động (lần)	1.6	1.6	0.1
- Vòng quay các khoản phải thu (lần)	3.4	3.3	0.0
- Vòng quay hàng tồn kho (lần)	2.2	2.4	-0.1
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp / DT thuần (%)	37.3	39.6	-2.4
- Tỷ suất lợi nhuận / DT thuần (%)	10.6	12.2	-1.6
- Hệ số LN sau thuế / DT thuần (%)	8.3	8.7	-0.4
- Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu bq (%) (ROE)	18.6	20.8	-2.2
- Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản bq (%) (ROA)	11.1	11.8	-0.6
<b>Chỉ tiêu bảo tồn vốn</b>			
- Mức độ bảo toàn vốn	1.3	1.3	0.0
<b>Tốc độ tăng trưởng hàng năm</b>			

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu trong kỳ (%)	-0.6	3.1	-3.7
- Tốc độ gia tăng tài sản (%)	-3.5	4.9	-8.4
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế (%)	-4.9	-29.7	24.8

### **3. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị:**

#### **3.1 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2014:

- Doanh thu 415,298 tỷ đồng (đạt 96,58% so KH 2014 và 99% so TH 2013)
- Lợi nhuận trước thuế 42,987 tỷ đồng (đạt 81,78% KH 2014 và đạt 84% so TH 2013)
- Lợi nhuận sau thuế 33,242 tỷ đồng (đạt 81,08% KH 2014 và đạt 92% so TH 2013)

Kết quả kinh doanh năm 2014 không đạt được kế hoạch đề ra chủ yếu là do:

- TV.PHARM tiếp tục bị ảnh hưởng bởi Thông tư 01 về đấu thầu thuốc, tuy có trúng thầu thuốc cung ứng vào hệ điều trị nhưng giá trúng thầu rất thấp. Thông tư số 19 về quản lý chặt chẽ các thuốc có chứa chất gây nghiện, hướng thần và tiền chất của Bộ Y Tế (Do trong danh mục sản phẩm của công ty đang sản xuất và lưu hành trên thị trường có khoảng 15% sản phẩm phải quản lý theo thông tư 19) → làm giảm doanh số và lợi nhuận.
- Nhà máy thực phẩm chức năng mới ở giai đoạn mới đưa vào hoạt động sản xuất và giới thiệu sản phẩm, chưa có doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Tình hình đăng ký thuốc vẫn gặp nhiều khó khăn, một số mặt hàng chiến lược của công ty hết hạn số đăng ký nhưng xin cấp lại rất lâu hoặc không được cấp lại.

Tuy nhiên năm 2014:

- Là năm đánh mốc cho sự chuyển hướng tập trung đầu tư cho thị trường OTC, tạo tiền đề cho sự khai thác tối đa thị trường OTC cho những năm tiếp theo, đặc biệt là khai thác thị trường Miền Bắc và Bắc Miền Trung, là địa bàn còn mông và yếu.
- Các hoạt động đào tạo, marketing, các chương trình chăm sóc khách hàng được tổ chức ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn, củng cố và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng.
- Các chính sách, quy định của Công ty được ban hành kịp thời mang lại hiệu quả trong công tác quản lý vốn của Công ty.

## **Điểm mạnh của Công ty:**

TV.PHARM đạt được kết quả trên là do có:

- Sự đoàn kết nhất trí cao, sự đồng tâm hiệp lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và toàn thể công nhân viên trong toàn công ty tạo thành sức mạnh tập thể xây dựng TV.PHARM ngày càng lớn mạnh.
- Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ, có trình độ đại học và trên đại học tận tâm với công việc và gắn bó lâu dài với công ty. Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác thị trường nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, tâm huyết, sẵn sàng vượt khó để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến.
- Sản phẩm do Công ty sản xuất có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý được khách hàng tin tưởng sử dụng. Các sản phẩm kháng sinh, đặc biệt là kháng sinh dạng bột pha tiêm được thị trường chấp nhận và đưa vào sử dụng trong hệ điều trị cả nước mang lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Mạng lưới phân phối ngày càng phát triển, mở rộng. Kênh phân phối OTC phát triển tốt do Công ty có những chương trình khuyến mãi, chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp.
- Được sự quan tâm của nhà đầu tư, sự tin tưởng ủng hộ của khách hàng, sự hợp tác của các nhà cung cấp và việc tạo điều kiện thuận lợi của các cơ quan, sở, ban ngành, ngân hàng trong và ngoài tỉnh.

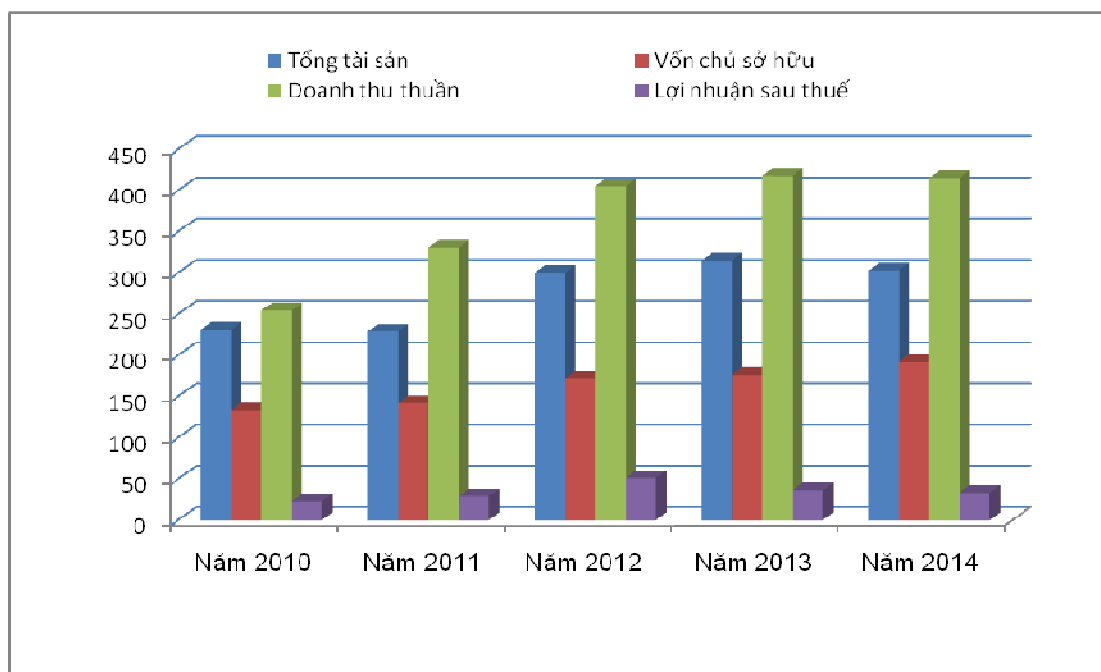
## **Những hạn chế cần khắc phục:**

- Hệ thống quản trị chưa thật sự chuyên nghiệp, hiệu quả. Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực còn yếu.
- Hoạt động định vị thương hiệu và marketing còn chưa đồng bộ, hoạt động nghiên cứu phát triển ( R&D) còn yếu, mang lại hiệu quả chưa cao.
- Tuy đã mở rộng được thị trường ra nước ngoài, nhưng hoạt động xuất khẩu còn hạn chế về số lượng và đối tác.
- Chưa khai thác được hết công suất của Nhà máy betalactam.
- Việc triển khai sản xuất thực phẩm chức năng còn chậm do phải trải qua thăm dò thị trường và làm công tác marketing.

## Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 05 năm (năm 2010 -2014):

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tổng tài sản	tỷ đồng	231,1	228,8	300,4	315,1	312,79
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	133,6	142,0	171,6	176,3	191,9
Doanh thu thuần	tỷ đồng	254,5	331,0	405,3	417,8	415,29
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	27,2	37,0	64,9	51,007	42,98
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	23,1	28,9	51,4	36,179	33,24
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	3.673	4.592	8.165	4.878	3.298
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản		10,01%	12,64%	17,12%	11,48%	10,98%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần		9,09%	8,74%	12,69%	8,66%	8,00%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu		17,31%	20,37%	29,97%	20,52%	17,32%

### Biểu đồ một số chỉ tiêu từ năm 2010 – 2014



### **3.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty**

Trong năm 2014:

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã tuân thủ đúng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty, phối hợp chặt chẽ trong việc tìm ra các giải pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

## Phần 4: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 1. Dự kiến Kế hoạch SXKD 03 năm :

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH Năm 2015	KH Năm 2016	KH Năm 2017
1	Doanh thu thuần	460,440	510,000	560,000
2	Lợi nhuận trước thuế	49,618	51,765	57,400
3	Lợi nhuận sau thuế	38,702	41,412	45,920

### 2. Kế hoạch SXKD 2015:

#### 2.1 Tình hình kinh doanh ngành dược:

##### Các thuận lợi:

- Sản phẩm ngành dược là nhu yếu phẩm cần thiết đời sống người dân, sự tăng trưởng của ngành nhìn chung ảnh hưởng ít hơn bởi tác động của nền kinh tế. Thêm vào đó, Việt Nam có quy mô dân số khá lớn, tăng nhanh và ý thức bảo vệ sức khỏe người dân ngày càng được nâng cao. Nhờ đó, tổng chi tiêu tiền thuốc vẫn duy trì đà tăng trưởng qua các năm với mức tăng trưởng ổn định khoảng 17-20%/năm.

- Đáng chú ý xu hướng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thảo dược ngày càng gia tăng, nên định hướng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm chức năng và các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu là định hướng phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

- Các sản phẩm thuốc nội ngày càng đảm bảo về chất lượng, mẫu mã tương đương thuốc ngoại nhưng giá chỉ bằng 30 - 50%. Đây là một lợi thế giúp các Công ty dược nội địa có thể cạnh tranh trên chính sân nhà.

- Giá trị thuốc sản xuất trong nước chỉ mới chiếm khoảng 46-50% tổng giá trị thuốc sử dụng trong nước, Chính phủ có chủ trương gia tăng thị phần thuốc nội địa lên mức 70% trong năm 2015 và 80% đến năm 2020. Đây là cơ hội tốt cho các công ty dược trong nước.

##### Các rủi ro:

##### Rủi ro về kinh tế:

##### Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Khi nền kinh tế tăng trưởng cao sẽ tác động tích cực đến đời sống kinh tế xã hội của người dân, đời sống được nâng cao thì nhu cầu y tế, chăm sóc sức khỏe tăng cao. Điều này làm tăng doanh thu và lợi nhuận của ngành. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, đời sống và thu nhập của dân cư giảm thì nhu cầu về dược phẩm cũng sẽ giảm.

## **Lạm phát**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Nếu tốc độ lạm phát cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công...

**Lãi vay:** lãi suất cho vay tăng cao sẽ ảnh hưởng mạnh đến hoạt động sản xuất doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có tỷ lệ vay nợ cao, tiềm lực tài chính không đủ mạnh.

## **Rủi ro Luật pháp**

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước và đã đăng ký công ty đại chúng, nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động công ty như: pháp luật về ngành dược; pháp luật về kế toán, thuế; các văn bản pháp luật lao động; pháp luật về môi trường; pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán...

Vì vậy, những thay đổi về mặt chính sách của Nhà nước trong từng thời điểm khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty, nhất là sự thay đổi các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành dược của Nhà nước.

## **Rủi ro đặc thù ngành dược:**

### **Sự thay đổi giá nguyên vật liệu và tỷ giá:**

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm Việt Nam hiện nay, nguồn nguyên liệu đầu vào của hầu hết các doanh nghiệp dược sản xuất trong nước đều nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 90%, chủ yếu là hóa dược do ngành công nghiệp dược trong nước còn kém phát triển). Nên Ngành dược có những rủi ro đặc thù sau:

- Phụ thuộc vào sự ổn định của nguồn cung, giá cả và chất lượng nguyên vật liệu nhập khẩu.
- Phụ thuộc vào tỷ giá ngoại tệ.

Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận doanh nghiệp.

### **Môi trường cạnh tranh cao:**

Chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các Công ty dược trong nước, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá thuốc đấu thầu và các cơ sở y tế Công lập. Ngoài ra còn chịu sự cạnh tranh với sự ngày càng lớn mạnh của các công ty dược nước ngoài.

**R&D (nghiên cứu và phát triển) nội địa ngành dược chưa phát triển:** hiện tại các Công ty phần lớn chỉ dừng lại ở mức R&C (nghiên cứu và sao chép), chỉ sản xuất những thuốc genereric, chưa có nghiên cứu thuốc mới.

## **Rủi ro khác:**

Đối với những rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 2.2. Chỉ tiêu SXKD 2015:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	KH 2015/ TH 2014
<b>I.</b>	<b>SẢN XUẤT:</b>				
<b>1.</b>	<b>Nhà máy Non - Bêtalactam:</b>				
	Thuốc viên các loại	Viên	820.160.000	869.914.000	106,1
	Kem bôi da	Lọ	0	0	115,4
	Thuốc gói	Gói	873.375	1.008.000	0
<b>2.</b>	<b>Nhà máy Bêtalactam:</b>				
	Thuốc viên các loại	Viên	76.962.000	94.271.196	122,5
	Thuốc tiêm bột	Lọ	854.000	1.032.000	120,8
	Thuốc gói	Gói	5.198.700	6.060.000	116,6
<b>3.</b>	<b>Xưởng thực phẩm chức năng</b>				
	Thuốc viên các loại	Viên	0	7.200.000	
	Thuốc gói	Gói			
<b>II.</b>	<b>KINH DOANH</b>				
<b>1</b>	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	415.298.620.878	460.440.000.000	110,9
<b>2.</b>	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	42.987.424.512	49.617.960.000	115,4
<b>3.</b>	Chi phí thuế TNDN	Tỷ đồng	9.745.036.466	10.915.951.200	112,0
<b>4.</b>	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	33.242.388.046	38.702.008.800	116,4

## 2.3. Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty sẽ chú trọng các giải pháp sau:

### Về sản xuất và chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc GMP-WHO và Tiêu chuẩn ISO: 9001-2008. Không ngừng cải tiến mẫu mã, bao bì, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh.

### Về kinh doanh:

- Tiếp tục củng cố và phát triển thị trường trong nước; Mở rộng thêm thị trường xuất khẩu; Thành lập thêm Chi nhánh mới tại khu vực bắc Miền Trung và Miền Bắc; tiếp tục ổn định hoạt động một số chi nhánh còn yếu.

- Tăng cường hoạt động Marketing, quảng bá thương hiệu công ty, chăm sóc khách hàng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ quản lý và nhân viên bán hàng.

### Về tài chính:

- Quản lý chặt chẽ mức vốn, hàng tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý. Thường xuyên và định kỳ đối chiếu công nợ, phân loại tuổi nợ, đôn đốc thu hồi các khoản nợ quá hạn. Tiếp tục triển khai chính sách trả lương trên công nợ thu về đối với Khối kinh doanh.



- Theo dõi sát tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tỷ giá ngoại tệ để chủ động đề xuất dự trữ tối ưu cho sản xuất, giảm giá thành sản phẩm và hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

#### **Về tổ chức nhân sự và đào tạo:**

- Sắp xếp, tinh gọn lại nhân sự. Chú trọng tăng cường quản trị Công ty.  
- Công tác đào tạo: tiếp tục đào tạo lại và đào tạo mới những kiến thức chuyên sâu đối với cán bộ lãnh đạo cấp cao, cán bộ quản lý và nhân viên. Mở các lớp huấn luyện về kỹ thuật sản xuất, kỹ thuật an toàn lao động cho công nhân nhà máy sản xuất; Tiếp tục chính sách đầu tư thu hút chất xám, tuyển dụng người có đủ đức, tài, có nguyện vọng phục vụ lâu dài tại công ty.

#### **3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng:**

- Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, không xả trực tiếp chất thải ra môi trường sống. Đảm bảo cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp trong và ngoài nhà máy sản xuất.

- Thực hiện kinh doanh tuân thủ Pháp luật bảo vệ môi trường. Tiếp tục thực hiện công tác hỗ trợ xã hội, đền ơn đáp nghĩa tại địa phương

## Phần 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hiện tại gồm 05 thành viên: 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT <i>(không điều hành)</i>	20.932	0,208%
2	Ông Lê Việt Thành	Phó Chủ tịch HĐQT <i>(không điều hành)</i>	0	0%
3	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	671.645	6,663%
4	Ông Hà Văn Đồng	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	30.294	0,301%
5	Ông Lê Xuân Trường	Thành viên HĐQT <i>(độc lập, không điều hành)</i>	9.600	0,096%

*(Lý lịch nhân sự trình bày tại Mục Ban quản trị Phần 2 – Cơ cấu tổ chức nhân sự)*

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty không có sự thay đổi nhân sự.

#### 1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

##### Đánh giá hoạt động Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về Nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị đối với sự phát triển Công ty.

Hội đồng quản trị đã duy trì chế độ họp thường kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để quản lý và chỉ đạo hoạt động của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm cao, tham gia các ý kiến để Chủ tịch Hội đồng quản trị ra các quyết định có tính chiến lược, định hướng đúng đắn để thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng định hướng, đánh giá và góp ý và đưa ra các quyết định quan trọng trong công tác quản lý.

Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được lưu giữ theo đúng quy định.

### Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tiến hành 03 cuộc họp định kỳ và 04 lượt xin ý kiến qua bảng văn bản:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự và tham gia biểu quyết ý kiến bằng văn bản	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	
2	Ông Lê Việt Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	
3	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
4	Ông Hà Văn Đồng	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
5	Ông Lê Xuân Trường	Thành viên HĐQT	7/7	100%	

### Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2014:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01-2014/NQ.HĐQT	13/2/2014	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2013 là ngày 10/3/2014.</li><li>- Dự kiến thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2013 là ngày 25/4/2014.</li></ul>
2	Số 02-2014/NQ.HĐQT	8/4/2014	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2013 là thứ ba ngày 29 tháng 04 năm 2014.</li><li>- Thống nhất thông qua nội dung các tài liệu sẽ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.</li><li>- Thông qua Đơn xin từ nhiệm của Ông Lưu Hoài Nam – TV BKS.</li><li>- Thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên 2013 miễn nhiệm vai trò TV BKS của Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm</li><li>- HĐQT thống nhất sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2013 bầu bổ sung 02 TV BKS.</li></ul>
3	Số 03-2014/NQ.HĐQT	8/5/2014	<p>Thống nhất việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền là: ngày 30/5/2014.</li><li>- Tỷ lệ thực hiện: 12%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng)</li><li>- Ngày bắt đầu trả cổ tức: từ ngày 23/06/2014.</li></ul>

4	Số 04-2014/NQ.HĐQT	23/7/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh và Báo cáo phân tích tình hình tài chính 06 tháng đầu năm 2014.</li> <li>- Thông qua đơn giá lương Công ty năm 2014 là 10,26% doanh thu.</li> </ul>
5	Số 05-2014/NQ.HĐQT	06/08/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo các hạng mục đã đầu tư 06 tháng đầu năm 2014</li> <li>- Thông qua chủ trương danh mục đầu tư 06 tháng cuối năm 2014</li> <li>- Đồng ý phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình cải tạo Nhà máy Nonbetalactam thuộc Nhà máy sản xuất Công ty.</li> </ul>
6	Số 06-2014/NQ.HĐQT	08/08/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Đăng Nguyên - Tổng giám đốc Công ty được ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển - Chi nhánh Trà Vinh, với tổng giới hạn tín dụng: vốn vay 36 tỷ đồng và bảo lãnh 08 tỷ đồng.</li> </ul>
7	Số 07-2014/NQ.HĐQT	29/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất việc tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Đăng Nguyên – Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty. Hiệu lực kể từ ngày 15/11/2014 đến ngày 30/4/2016.</li> <li>- Thống nhất việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền là: ngày 19/01/2015</li> <li>▪ Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)</li> <li>▪ Ngày bắt đầu trả cổ tức: từ ngày 09/02/2015.</li> </ul> </li> </ul>

**Các Quyết định của Hội đồng quản trị:**

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
1	Số 01-2014/QĐ-CTHĐQT	11/8/2014	- Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình cải tạo nhà máy NonBetactam thuộc Nhà máy sản xuất	
2	Số 02-2014/QĐ-CTHĐQT	30/12/2014	- Về việc tái bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty	

### **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:**

Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành là Ông Lê Xuân Trường. Trong năm 2014, thành viên này đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đồng thời đóng góp những ý kiến tích cực vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của HĐQT.

**Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị chưa thành lập tiểu ban

### **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:**

Các thành viên Hội đồng quản trị chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty nhưng trong 05 thành viên Hội đồng quản trị đã có 02 thành viên có bằng Thạc sĩ về quản trị kinh doanh. Đồng thời, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc là 03 người đại diện vốn của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) tại Công ty nên đều có tham gia các chương trình tập huấn về quản trị Công ty do SCIC tổ chức.

### **1.3 Cơ cấu cổ đông:**

#### **Cổ phần:**

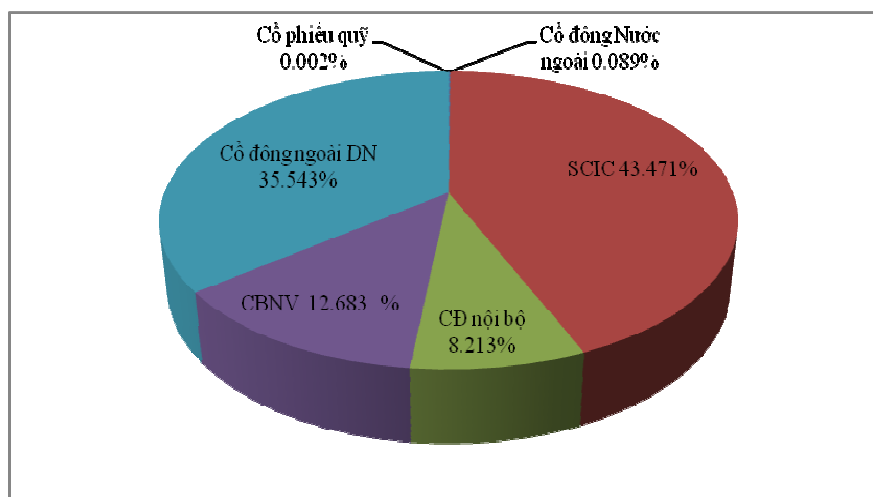
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thông tin</b>
1	Tên chứng khoán	Cổ phiếu Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM
2	Mã chứng khoán	TVP
3	Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông
4	Sàn giao dịch	Chứng khoán chưa giao dịch trên sàn
5	Tổng số cổ phần	10.080.000 cp
6	Mệnh giá	10.000 đ/cổ phần
7	Số cổ phần chuyển nhượng tự do	10.080.000 cp
8	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0

**Cơ cấu cổ đông:** (chốt ngày 19/01/2015)

**Thống kê:**

STT	Tiêu chí	Số lượng cổ đông			Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ sở hữu		
		Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng
1	Nước ngoài	1		1	8,950		8,950	0.089%	0%	0.089%
2	Trong nước	326	8	334	5,469,506	4,601,390	10,070,896	54.261%	45.649%	99.910%
	SCIC		1	1		4,381,920	4,381,920	0%	43.471%	43.471%
	HDQT + TGD	5		5	737,944		737,944	7.321%	0%	7.321%
	BKS	2		2	38,933		38,933	0.386%	0%	0.386%
	KTT	1		1	50,960		50,960	0.506%	0%	0.506%
	CBNV	144		144	1,278,446		1,278,446	12.683%	0%	12.683%
	Ngoài doanh nghiệp	174	7	181	3,363,223	219,470	3,582,693	33.365%	2.177%	35.543%
3	Cổ phiếu quỹ		1	1		154	154	0%	0.002%	0.002%
4	Tổng	327	9	336	5,478,456	4,601,544	10,080,000	54.350%	45.650%	100%

**Biểu đồ cơ cấu:**



**Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:**

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông lớn	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông lớn	1. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	4.381.920	43,471%

		2. Ông Nguyễn Đăng Nguyên	671.645	6,663%
		Cộng		
2	Cổ đông nhỏ		5.086.051	49.866%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

**Phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:**

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông tổ chức	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Tổ chức	1. Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	4.381.920	43,471%
		2. Công Ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	108.480	1,076%
		3. Cty Cổ Phần Dược Phẩm IMEXPHARM	40.548	0,402%
		4. Công Ty TNHH Bệnh Viện Quốc Tế Chân Thương Chinh Hình Sài Gòn	32.000	0,317%
		5. Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm Trung Ương 1	16.000	0,159%
		6. Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	12,273	0,122%
		7. Cty TNHH Dược Phẩm Toàn Chân	5.369	0,053%
		8. Công ty TNHH Xây Dựng Hồng Lục	4.800	0,048%
		9. Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM (cổ phiếu quỹ)	154	0,002%
			Cộng	4.601.544
2	Cổ đông cá nhân		5.478.456	54,350%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

**Phân theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:**

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông nước ngoài	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông nước ngoài	1. Trần Sơn Tây, Casimir, Thông (Quốc tịch Pháp)	8.950	0,089%
2	Cổ đông trong nước		10.071.050	99,911%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

**Phân theo tiêu chí cổ đông Nhà nước và cổ đông khác:**

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông Nhà nước	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	4.381.920	43.471%
2	Cổ đông khác		5.698.080	56.529%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

**1.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:**

**Vốn điều lệ Công ty hiện tại:** 100.800.000.000 đồng

**Phát hành cổ phiếu năm 2014:** không

**Chứng khoán khác:** không

**Quá trình tăng vốn của Công ty từ khi cổ phần hóa đến nay:**

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn điều lệ sau phát hành
Năm 2003	Cổ phần hóa		35.000.000.000
Năm 2006	Cổ đông hiện hữu (Chia cổ phiếu thưởng)	13.000.000.000	48.000.000.000
Năm 2007	Cổ đông hiện hữu (5,7 tỷ) Đối tác chiến lược (3 tỷ) Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư (6,3 tỷ)	15.000.000.000	63.000.000.000
Năm 2013	Cổ đông hiện hữu - Chia cổ tức 10% - Chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1	37.800.000.000	100.800.000.000

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không

**2. Ban kiểm soát Công ty**

**2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

Trong năm 2014, Công ty có sự thay đổi nhân sự thành viên Ban kiểm soát:



STT	Nhân sự	Thời gian	Lý do
<b>Miễn nhiệm nhân sự</b>			
1	Ông Lưu Hoài Nam	Miễn nhiệm TV BKS từ 29/4/2014	Do có đơn xin từ nhiệm
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Miễn nhiệm TV BKS từ 29/4/2014	Do Bà Cẩm là Phó Phòng Kế toán Công ty nên chưa phù hợp quy định tại Thông tư 121 của Bộ tài chính.
<b>Bầu thay thế</b>			
1	Nguyễn Kiên Cường	Trúng cử bổ sung TV BKS tại ĐHCĐ thường niên ngày 29/4/2014	
2	Đoàn Văn	Trúng cử bổ sung TV BKS tại ĐHCĐ thường niên ngày 29/4/2014	

Ban kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên: 01 trưởng ban và 02 thành viên.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Hữu Phước	Trưởng ban	24.548	0,243%
2	Ông Đoàn Văn	Thành viên	14.385	0.143%
3	Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên	0	0%

*(Lý lịch nhân sự trình bày tại Mục Ban quản trị Phần 2 - Cơ cấu tổ chức nhân sự)*

## 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có nghĩa vụ thực hiện:

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Điều lệ Công ty.
- Kiểm soát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty
- Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty

Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Họp triển khai kế hoạch hoạt động của Ban;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2013 đã đề ra.
- Thực hiện việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC 2014 (do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 giao)
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2014 và dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Rà soát các Báo cáo của của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Đồng thời, Trưởng Ban kiểm soát đã được mời tham dự và tham dự hoặc ủy quyền thành viên tham dự đầy đủ các buổi họp của Hội đồng Quản trị, tham gia đóng góp nhiều ý kiến liên quan tới sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông.

### 2.3 Kết quả kiểm soát:

- BKS không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin, các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013:
  - HĐQT đã thực hiện xong việc chia cổ tức 2013 cho cổ đông (chia cổ tức bằng tiền : 22% vốn điều lệ).
  - HĐQT đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 cho Cổ đông là 10% vốn điều lệ (chốt danh sách ngày 19/1/2014)
  - BKS đã chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính 2014 của Công ty
  - Đã thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2014 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2013 là 900 triệu đồng, chia làm 4 đợt vào cuối mỗi quý.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và BKS:

### 3.1 Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BDH, BKS

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thu nhập phát sinh trong năm 2014 (đồng)
I	<b>Hội đồng quản trị,</b>				
1	Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT	20.932	0,208%	616,419,248
2	Ông Lê Việt Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	150.000.000
3	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	-Thành viên HĐQT, -Tổng giám đốc	671.645	6,663%	570,900,899
4	Ông Hà Văn Đồng	-Thành viên HĐQT, -Phó Tổng giám đốc	30.294	0,301%	420,875,539
5	Ông Lê Xuân Trường	Thành viên HĐQT	9.600	0,096%	116.666.666

<b>II</b>	<b>Ban điều hành</b>				
1	Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng giám đốc	5.473	0,05%	364,056,651
2	Ông Hoàng Văn Giới	Kế toán trưởng	50.960	0.506%	289,534,209
<b>III</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Ông Lê Hữu Phước	Trưởng BKS	24.548	0,243%	116.666.666
2	Ông Đoàn Văn	Thành viên BKS ( từ 29/4/2014 )	14.385	0,143%	38.888.890
3	Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên BKS ( từ 29/4/2014 )	0	0%	38.888.890
4	Ông Lưu Hoài Nam	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 29/4/2014)	0	0%	19.444.444
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	-Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 29/4/2014) -Phó phòng kế toán	6.333	0,063%	201.847.165

### 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người công bố thông tin

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đăng Nguyên	TV HĐQT kiêm TGD		<b>612.029</b>	<b>6,072%</b>	<b>671.645</b>	<b>6,66%</b>	Mua cổ phiếu
2	Trần Ngọc Mai	Người được ủy quyền CBTT		<b>10.631</b>	<b>0.1055%</b>	<b>14.151</b>	<b>0.14%</b>	Mua cổ phiếu
3	Hoàng Văn Giới	Kế toán trưởng		<b>38.400</b>	<b>0,381%</b>	<b>50.960</b>	<b>0,506%</b>	Mua cổ phiếu

### 3.3 Giao dịch cổ phiếu người có liên quan của cổ đông nội bộ, người công bố thông tin:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hạnh		Vợ Ông Hoàng Văn Giới - Kế toán trưởng	4.560	0,045%	0	0%	Bán cổ phiếu

### 3.4 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:

Ông Nguyễn Đăng Nguyên – Thành viên HĐQT kiêm TGD là cổ đông nội bộ và là cổ đông lớn nên báo cáo như cổ đông nội bộ.

### 3.5 Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không

## 4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty đại chúng. Công ty đã:

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT
- Ban hành Quy chế quản trị Công ty.
- ĐHĐCĐ năm 2013 đã thông qua việc sửa đổi toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty theo qui định Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 121 của Bộ tài chính.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 29/4/2014 đã miễn nhiệm vai trò thành viên BKS của Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm và bầu bổ sung TV BKS thay thế do Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm – thành viên BKS, đồng thời giữ chức vụ Phó phòng kế toán là chưa phù hợp quy định quy định tại Điều 18 Chương IV Thông tư 121: “Thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty...”.

# Phần 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2014:

## 1. Ý kiến kiểm toán



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 18, Tòa nhà Times Square  
22-38 Nguyễn Huệ, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +848 3910 0751  
Fax: +848 3910 0750  
www.deloitte.com/vn

Số: 358/VNTA-HC-BC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 23 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

#### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

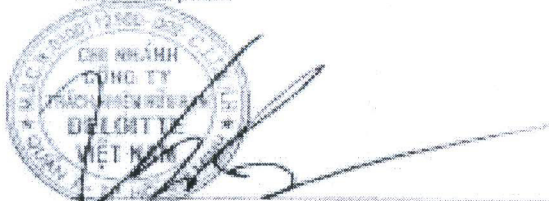
#### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Poin để chú ý

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2014 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Vũ Thái Hòa**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
Tư vấn và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 17 tháng 3 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CỘNG HÒA VIỆT NAM

**Hồi Quốc Anh**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2033-2013-001-1

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xin vui lòng xem chi tiết Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty tại website của Công ty [www.tvpharm.com.vn/Mục Qua hệ cổ đồng](http://www.tvpharm.com.vn/Mục_Qua_hệ_cổ_đồng)

Xác nhận của  
đại diện theo pháp luật của Công ty



*DS. Nguyễn Đăng Nguyên*